TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 263 /2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 193/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1983

Địa chỉ: 17 NT, phường BTT, quận 2, thành phố HCM;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phòng 212A, khu tập thể LHP, phường PN, thành phố H, TTH;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị Bích N;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị Bích N có 01 con chung: Phạm Nguyễn Anh Q, sinh ngày 07/9/2013;

Anh H và chị N thỏa thuận giao cháu Q cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H cấp dưỡng nuôi cháu Q 5.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q rưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị Bích N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị Bích N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị Bích N mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng, nhưng anh H và chị N tự nguyện thỏa thuận: Anh H nộp án phí ly hôn thay cho chị N.

- Về án phí cấp dưỡng: anh H chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Số tiền án phí dân sự và số tiền án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004775 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên không phải nộp thêm.

Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT.H;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường PN, H (số ĐKKH 01/2014);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.